TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **271**/2025/DS -PT
Ngày: 16/6/2025
V/v: "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS – ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1645/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số F đường T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng:

+ Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: P, Ứ, Hà Nội.
Có mặt

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: phường N, quận S, Đà Nẵng. Có mặt

+ Bà Đặng Thị V, sinh năm 1999; địa chỉ: phường N, quận S, Đà Nẵng. Có mặt

+ Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1996; địa chỉ: phường N, quận S, Đà Nẵng. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T2, Luật sư Công ty L4; địa chỉ: B T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện bị đơn tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1984, thẻ luật sư số 8533/LS thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: Số D đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trương Thị R, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số D đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.2 Ông Trương Văn T4, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: Số G R, R, CA 91335, USA. Vắng mặt

3.3 Bà Trương Thị S1, sinh năm 1962; Địa chỉ: E Hàn M, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.4 Ông Trương Văn P, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số I đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.5 Ông Trương Văn K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A đường P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.6 Bà Trương Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: F N Troy st C, IL F, USA. Vắng mặt

3.7 Bà Trương Thị T5 (Thành chị), sinh năm 1978; Địa chỉ: E W Dakin st C, IL F, USA. Vắng mặt

3.8 Ông Trương Văn Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: tiệm cắt tóc A, đường T, khu phố chợ Đ2, khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

3.9 Bà Trương Thị T5 (Thành em), sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.10 Ông Trương Văn X, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1997, địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền của ông Trương Văn X được Công chứng ngày 20/11/2023. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn X: Luật sư Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1984, thẻ luật sư số 8533/LS thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: Số D đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.11 Bà Trương Thị Á: Địa chỉ: Số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.12 Bà Trương Thị Mỹ L; Địa chỉ: B M, CA I U, USA.

3.13 Ông Trương Vĩnh K1; Địa chỉ: B M, CA I U, USA.

3.14 Bà Nguyễn Thị Ánh Q1; Địa chỉ: K đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo nguyên đơn là Trương Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trương Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà thống nhất trình bày như sau:

Nguyên trước đây, cha tôi là ông Trương Văn T6 (sinh năm 1920, chết năm 2019) và bà Nguyễn Thị T3 có khối tài sản chung gồm nhà và đất tại thửa số D5-16, tờ bản đồ KT, có diện tích 150m² tọa lạc tại khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 vào ngày 15/8/2005, số vào số cấp GCN: H 01364.

Năm 2014, cha tôi có nguyện vọng để lại một phần hai nhà đất nói trên (thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông) cho tôi nên vào ngày 29/12/2014, ông đã lập Di chúc tại Văn phòng C6, số công chứng 2898, quyển số 58 TP/CC-SCC/HĐGD nhưng vì phần nhà chưa được cập nhật trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nội dung di chúc chỉ thể hiện ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số D5-16, tờ bản đồ KT tọa lạc tại khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đến năm 2019, cha tôi chết. Thời điểm này, bà T3 là người trực tiếp quản lý và sử dụng khối tài sản nêu trên.

Hàng thừa kế thứ nhất của cha tôi là ông Trương Văn T6 gồm:

- Cha là ông Trương Văn N1 (chết trước 1975);
- Mẹ là Lê Thị S2 (chết trước 1975);

Con chung của ông T6 và mẹ tôi là bà La Thị Đ1 (sinh năm 1935, chết năm 2019 và đã ly hôn với ông T6 từ năm 2000) gồm 11 người: tôi -Trương Thị C, bà Trương Thị R, ông Trương Văn T4, bà Trương Thị S1, ông Trương Văn P, ông Trương Văn K, bà Trương Thị N, bà Trương Thị T5, ông Trương Văn Q, ông Trương Văn X1 (chết năm 2022, đã ly hôn vợ và có 02 người con là Trương Thị Mỹ L và Trương Vĩnh K1), bà Trương Thị Q2 (chết năm 1983 và có 01 người con là cháu Nguyễn Thị Ánh Q1). Ngoài ra, cha tôi còn có 04 người con riêng với bà Nguyễn Thị T3 (không đăng ký kết hôn) gồm: bà Nguyễn Thị T7, ông Nguyễn Văn X2, bả Nguyễn Thị Á1 và ông Nguyễn Văn S3 (sinh năm 1985, chết năm 2003 không có vợ con). Do ông bà nội tôi và một số người con của cha tôi đã chết. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cha tôi hiện nay còn lại gồm:

1. Tôi - Trương Thị C;
2. Bà Trương Thị R;
3. Ông Trương Văn T4;
4. Bà Trương Thị S1;
5. Ông Trương Văn P;
6. Ông Trương Văn K;
7. Bà Trương Thị N;
8. Bà Trương Thị T5;
9. Ông Trương Văn Q;
10. Bà Trương Thị Mỹ L và ông Trương Vĩnh K1
11. Bà Nguyễn Thị Ánh Q1;
12. Bà Trương Thị T5;
13. Ông Trương Văn X;

14. Bà Trương Thị Ánh .

Tôi nhận thấy rằng, nhà đất tại thửa số D5-16, tờ bản đồ KT, có diện tích 150m² tọa lạc tại khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 vào ngày 15/8/2005, số vào số cấp GCN: H 01364 là khối tài sản chung của cha tôi và bà Nguyễn Thị T3. Ngoài ra, đối với ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên cha tôi đã để lại di chúc cho tôi và phần nhà trên đất vẫn là di sản của cha tôi chưa được chia nên tôi đã yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 phân chia khối di sản mà cha tôi để lại nhưng bà T3 không đồng ý. Việc bà Nguyễn Thị T3 cản trở, không chấp nhận chia di sản thừa kế do cha tôi để lại đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi cũng như các đồng thừa kế còn lại.

Do đó, nay tôi kính đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi một số vấn đề sau:

- Đối với quyền sử dụng đất: Chia di sản thừa kế mà cha tôi là ông Trương Văn T6 để lại theo Di chúc được lập ngày 29/12/2014 tại Văn phòng C6, số công chứng 2898, quyển số 58 TP/CC-SCC/HĐGD, tức tôi được nhận ½ quyền sử dụng đất tại thửa số D5-16, tờ bản đồ KT, có diện tích 150 m² tọa lạc tại Khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 vào ngày 15/8/2005, số vào sổ cấp GCN: H 01364 đứng tên ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3.

- Đối với nhà và tài sản gắn liền với đất: Chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, theo đó, tôi yêu cầu được nhận 1/14 giá trị nhà gắn liền với đất.

Tôi đề nghị được nhận nhà và đất, đồng ý thối trả tiền chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T3 và các đồng thừa kế còn lại.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

Tôi là vợ của ông Trương Văn T6 từ năm 1980, thời đó chưa có đăng ký kết hôn tại phường xã, chỉ có nhập khẩu KT3. Ông T6 có hai vợ, vợ đầu tên là La Thị Đ1, sinh năm 1934, chết năm 2019, người vợ sau là tôi Nguyễn Thị T3. Ông T6 chết ngày 07/12/2019, bà Đ1 chết ngày 25/7/2019. Tôi với ông T6 có 04 con chung gồm có: Trương Thị T5, Trương Văn S4 (mất khi còn nhỏ, chưa lập gia đình), Trương Thị Á và Trương Văn X, ngoài ra không có con nuôi con riêng nào khác. Ông T6 và bà Đ1 có 11 người con gồm có: bả Trương Thị C, bà Trương Thị R, ông Trương Văn T4, bà Trương Thị S1, ông Trương Văn P, ông Trương Văn K, bà Trương Thị N, bà Trương Thị T5, ông Trương Văn Q, ông Trương Văn X1 (đã chết năm 2022, đã ly hôn vợ, có 02 con tên là Trương Thị Mỹ L, Trương Vĩnh K1), bà Trương Thị Q2 (chết năm 1983, đã ly hôn chồng, có 01 con tên Nguyễn Thị Ánh Q1).

Tôi và ông Trương Văn T6 có tài sản chung là: Nhà và đất tại Lô D (nay là số A đường B), khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số D5-16, tờ bản đồ KT (nay là thửa số 169, tờ bản đồ số 38), diện tích 150m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 (nay là Giấy chứng nhận số CT 483382 ngày 13/12/2019)

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn, vì nhà và đất này hiện nay là nơi ở duy nhất của mẹ con tôi. Năm 2014, lúc đó vợ chồng tôi đang sửa nhà thì con gái của ông T6 là bà Trương Thị C đã dụ dỗ ông T6, chở ông T6 đến Văn phòng C7, ông T6 không hề biết và mẹ

con tôi cũng không biết gì về việc này. Sau đó ông T6 về kể lại thì gia đình tôi đã đến nhà bà C để đòi lại sổ đỏ và hộ khẩu nhưng bà C không chịu trả lại, hai bên xảy ra xô xát. Lúc đó tôi nộp đơn lên phường để đề nghị phường giải quyết việc bà C phải trả lại số đỏ và hộ khẩu lại cho gia đình tôi nhưng bà C không lên cũng không hợp tác. Sau đó, tôi phải đến Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S để làm thủ tục cấp số theo thủ tục báo mất số và đến năm 2019 được cấp lại sổ hồng. Việc ông T6 đến phòng công chứng lập di chúc là bị bà C lừa dối.

Trước đó năm 2011, vợ chồng tôi đã đến tại Phòng C8 để lập Di chúc có nội dung sau khi vợ chồng tôi qua đời thì để lại toàn bộ đất đai nhà cửa nói trên cho con trai Trương Văn X để ở và thờ cúng nên không có việc sau này ông Tam L1 lại di chúc để lại một nửa đất cho bà C được. Sau khi biết được sự việc thì gia đình tôi đã đến Văn phòng C6 để hủy Di chúc lập năm 2014 nhưng Văn phòng công chứng yêu cầu phải có sổ đỏ nên không hủy di chúc được. Nên năm 2016, vợ chồng tôi đến tại Công ty L5 Di chúc với nội dung hủy 02 Di chúc năm 2011 và năm 2014, để lại toàn bộ nhà đất cho con trai là Trương Văn X mà không ai được tranh giành hay khiếu nại. Nhà đất này hiện nay do mẹ con tôi đang quản lý sử dụng để ở và làm nhà thờ ông bà, thờ bà Đ1 và ông X1. Hiện nay trên đất có nhà 2 tầng nhưng chưa được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông T6 theo di chúc năm 2014 tôi không đồng ý, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Thị C.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trương Văn X trình bày: Thống nhất như lời khai của mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T3. Theo Di chúc của ba tôi để lại cho tôi là Trương Văn X thì ngôi nhà này dành để ở và thờ cúng, không ai được mua bán, đổi cho nên tôi cũng không đồng ý theo như nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Trương Thị R vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản khai thể hiện nội dung như sau: Tôi là Trương Thị R con gái đầu của ông Trương Văn T6. Ba tôi có 11 người con gồm: Tôi, Trương Văn T4, Trương Thị S1, Trương Văn P1, Trương Văn K2, Trương Thị N, Trương Thị T5 (chị), Trương Văn Q, Trương Thị T5 (em), Trương Văn X, Trương Thị Á, Trương Văn X1 (chết), Trương Thị Q2 (chết). Tuy nhiên, Trương Văn X1 (chết năm 2022 đã ly hôn vợ có 02 người con là Trương Thị Mỹ L, Trương Vĩnh K1) và Trương Thị Q2 (chết có con là Nguyễn Thị Ánh Q1.

Tôi được biết ba tôi có kể lại là ba tôi cho đất bà Trương Thị C. Ba tôi nói có cho ông Trương Văn X theo tờ di chúc năm 2011 nhưng ba rút lại nộp cho ông N3 thu hồi tờ di chúc đó. Ba nói: "Ta còn minh mẫn, ta cho các con cháu đều có hết, con C chưa có, chừ ta cho con C, có luật pháp công nhận. Bây giờ con là Trương Thị R lớn nhất, ba sẽ photo tờ giấy công chứng này gửi cho con. Sau này tụi nó đàn áp thì con đưa tờ giấy công chứng này. Con C là hắn nuôi ta, ta cho hắn, hắn cực khổ, nuôi heo nuôi gà, con nào ta cũng cho hết, chừ ta cho hắn.". Theo nguyện vọng của ba tôi, tôi không có ý kiến phần di sản thừa kế mà ba tôi để lại, tôi yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Về tờ di chúc: Ba tôi đã có bản di chúc lập năm 2014 để lại cho bà C2 được quyền thừa kế ½ tài sản, ba tôi đã tự ghi câu chốt "di chúc này là di chúc cuối cùng của tôi", như vậy theo ông đây là bản di chúc cuối cùng.

* ông Trương Văn P trình bày tại phiên toà và tại bản khai ngày 08/01/2024 như sau:

Tôi là con trai lớn của ông Trương Văn T6 và bà La Thị Đ1. Ba tôi có 02 vợ là La Thị Đ1 và Nguyễn Thị T3. Trong quá trình chung sống, bà T3 với ba tôi có tài sản chung là nhà và đất tại số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Khi còn sống ba tôi luôn có tâm nguyện để lại toàn bộ tài sản nhà và đất nêu trên cho em tôi là Trương Văn X để ở và làm nhà thờ.

Nay tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C. Tôi chỉ yêu cầu Toà án công nhận di chúc của cha tôi để lại tài sản cho ông Trương Văn X để làm nhà thờ. Anh chị em tôi ở Mỹ gồm: Trương Văn T4, Trương Thị T5, Trương Thị Mỹ L, Trương Thị N, Trương Thị S1, Trương Vĩnh K1 đều thống nhất không đồng ý khởi kiện của bà Nguyễn Thị C3 chia một nửa di sản cho bà Trương Thị C4. Chỉ mong muốn để lại tài sản cho ông Trương Văn X để làm nhà thờ, có nơi thờ phụng để con cháu có chốn về.

Bà Trương Thị C cũng được cha cho đất làm nhà, sau đó giải toả được bố trí 01 lô đất hiện nay đang ở số F Trần Thánh Tông Đ nên bà R nói bà C không được cha cho là không đúng.

Từ khi còn sống cho đến lúc mất, chúng tôi đã nhiều lần được cha - ông Trương Văn T6 nói về nguyện vọng để lại cho em trai Trương Văn X chứ chưa bao giờ được nghe cha - ông Trương Văn T6 nói về việc để lại cho bà Trương Thị C và kể cả trước khi mất, cha chúng tôi cũng nói lại việc di nguyện để lại nhà và đất cho Trương Văn X dùng để ở, quản lý và dùng làm nơi thờ tự, tất cả người con của mẹ chúng tôi – bà La Thị Đ1 (bao gồm bà Trương Thị C) đều đã được cha chúng tôi – ông Trương Văn T6 phân chia tài sản. Vì vậy, nay bà Trương Thị C tiếp tục tranh giành phần của Trương Văn X là không đúng di nguyện của cha. Do đó, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

* ông Trương Văn K vắng mặt tại phiên toà nhưng có trình bày tại bản khai ngày 08/01/2024 như sau:

Tôi là con trai của ông Trương Văn T6 và bà La Thị Đ1. Ba tôi có hai vợ, vợ một là bà La Thị Đ1 và vợ hai là bà Nguyễn Thị T3 cùng ở trong một nhà tại số nhà A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Khi còn sống ba tôi luôn luôn có tâm nguyện để lại toàn bộ tài sản nhà và đất này cho con em út tôi là Trương Văn X để làm nhà thờ cúng ba mẹ.

Nay tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C. Tôi chỉ yêu cầu Toà án công nhận di chúc của cha tôi để làm nhà thờ do ông Trương Văn X làm chủ. Anh chị tôi ở Mỹ gồm Trương Văn T4, Trương Thị S1, Trương Thị N, Trương Thị T5 (chị), Trương Thị Mỹ L và Trương Vĩnh K1. Tôi được biết anh chị em trong gia đình đều thống nhất không đồng ý khởi kiện của bà Trương Thị C chia một nửa di sản cho bà Trương Thị C. Tôi chỉ mong muốn để lại tài sản cho ông Trương Văn X để làm nhà thờ cúng và có nơi thờ phụng để con cháu có nơi để về.

Sau khi được biết bà C4 giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ba, gia đình có ồn ào, Ba qua nhà bà C đòi lấy lại sổ đỏ nên có xảy ra xô xát nên đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

* Bà Trương Thị T5 và bà Trương Thị Á có bản khai đề ngày 20/12/2023 trình bày:

Chúng tôi là con ruột của ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3. Trong quá trình chung sống, cha mẹ chúng tôi là ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 có khối tài sản chung gồm nhà và đất tại thửa số 16-D5, tờ bản đồ KT, có diện tích 150m² toạ lạc tại khu tái định cư N thuộc phường N, quận S, Tp . (nay là A B, phường N, quận S, Tp .) và thửa đất nêu trên cha mẹ tôi đã được Ủy ban nhân dân quận S, Tp . cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 vào ngày 15/8/2005. Trong quá trình cha chúng tôi còn sống, chúng tôi được biết cha - ông Trương Văn T6 và mẹ - bà Nguyễn Thị T3 vào ngày 5 tháng 04 năm 2011 có đến Phòng công chứn số 2; địa chỉ: B Đ, quận T, để lập di chúc với nguyện vọng để lại nhà và đất cho em trai chúng tôi là Trương Văn X, sinh năm: 1992 được dùng để ở và làm nơi thờ cúng. Sau đó, đó có phát sinh di chúc cho bà C nên đến năm 2016, chúng tôi được biết là cha mẹ tôi có lập thêm 01 bản Di chúc tại Công ty L6 với nội dung giống di chúc năm 2011 là ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 để lại toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số A B, phường N, quận S, Tp . cho người con là Trương Văn X. Sau khi cha mẹ chúng tôi qua đời thì Trương Văn X được quyền thừa kế toàn bộ nhà và đất như đã chỉ định trên mà không ai được giành hay khiếu nại. Nhà và đất chỉ được dùng vào làm nơi thờ tự, Trương Văn X không được chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức gì, trừ trường hợp nếu có đền bù giải tỏa thì Trương Văn X sẽ được nhận toàn bộ giá trị đền bù của tài sản thừa kế kể trên. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với nguyện vọng nêu trên của cha mẹ, chúng tôi thống nhất và không có ý kiến gi.

Nay, bà Trương Thị C có đơn khởi kiện mẹ chúng tôi bà Nguyễn Thị T3 đến Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc chia tài sản của cha chúng tôi – ông Trương Văn T6, chúng tôi hoàn toàn không đồng ý.

Bà C đã có nhà riêng, được cha cho. Chúng tôi hoàn toàn không biết đến việc cha chúng tôi lập thêm 01 di chúc mới vào ngày 29/12/2014 tại Văn phòng C6 với nội dung để lại ½ quyền sử dụng đất nói trên cho bà Trương Thị C. Từ khi còn sống cho đến lúc mất, chúng tôi đã nhiều lần được cha - ông Trương Văn T6 nói về nguyện vọng để lại cho em trai Trương Văn X chứ chưa bao giờ được nghe cha nói về việc để lại cho bà Trương Thị C. Tất cả các người con của cha chúng tôi - Trương Văn T6 với bà La Thị Đ1 và chúng tôi đều đã được cha - Trương Văn T6 phân chia tài sản lúc còn sống, phần của Trương Văn X được cha chúng tôi – ông Trương Văn T6 đồng ý giao nhà và đất nêu trên. Do đó, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Người làm chứng:

Ông Phạm Văn H có mặt tại phiên toà trình bày:

Tôi - Phạm Văn H là người thuê nhà của vợ chồng ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 từ tháng 03 năm 2016 đến tháng 10 năm 2016. Vào ngày 06/06/2016, tôi có được vợ chồng ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 nhờ làm chứng cho việc lập di chúc của hai ông bà tại Công ty L6; địa chỉ: F T,

phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm lập di chúc, tôi đã chứng kiến toàn bộ quá trình lập di chúc của ông T6 và bà T3, việc lập di chúc của hai ông bà hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc.

Cùng làm chứng với tôi còn có ông Nguyễn Q3. Cả hai chúng tôi đều chứng kiến toàn bộ quá trình ông T6 và bà Tân lập di chúc và chúng tôi đã đọc toàn bộ nội dung di chúc cho ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 nghe.

* Ông Nguyễn Q3 có mặt tại phiên toà trình bày:

Năm 2016, tôi có làm chứng ông Trương Văn T6 và Nguyễn Thị T3 làm một tờ di chúc để lại nhà đất cho con trai Trương Văn X tại Công ty L7 T, quận H, thành phố Đà Nẵng vào lúc 17h15 ngày 6 tháng 6 năm 2016. Trong quá trình làm giấy di chúc tôi thấy ông Trương Văn T6 rất minh mẫn, giọng nói rõ ràng, nghe rõ nhưng mắt ông mờ tay run nên ông không ký mà lăn tay. Những lời khai trên của tôi đã nói sự thật.

* Tại Bản tự khai của ông Phan Phước Thái N2 trình bày:

Ông Trương Văn T6 và bà Nguyễn Thị T3 khi đến Công ty L6 gặp Luật sư Phan Phước Thái N2 có trình bày: Họ đã đi đến phòng công chứng để xin huỷ bỏ di chúc cũ và mong muốn lập di chúc mới. Tuy nhiên, tại đây họ đã không thể xuất trình được đầy đủ giấy tờ, đặc biệt là bản chính giấy chủ quyền nhà vì thất lạc. Theo khoản 1 Điều 40 của Luật Công chứng thì muốn huỷ bỏ di chúc cần phải đáp ứng đầy đủ giấy tờ về hộ tịch và giấy tờ về quyền tài sản, mà ông T6, bà T3 đã không đáp ứng được. Vì lẽ đó, ông T6 và bà T3 đã đến công ty gặp tôi.

Ông T6 và bà T3 trình bày như đã nêu ở trên và mong muốn:

Lập di chúc mới, định đoạt lại tài sản của mình.

Mong muốn ngôi nhà đó phải dùng vào việc thờ tự, không mua bán...

Tôi đã phân tích với ông T6 và bà T3 là do không có giấy chủ quyền nhà tại thời điểm muốn lập di chúc vì lẽ đó ông phải cam đoan và chịu trách nhiệm về tài sản mà ông muốn lập di chúc là có thật và thuộc quyền sở hữu của ông một cách trọn vẹn. Tôi nói với ông T6 và bà T3 là Điều 640 Bộ luật dân sự 2015 là cho phép sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc đã lập bất cứ lúc nào để ông bà hiểu. Và di chúc lập mới này cũng chỉ được xem là bằng chứng tại Toà nếu có tranh chấp xảy ra và quyết định sau cùng thuộc về Toà án.

Tôi nhận thấy tại thời điểm lập di chúc, ông T6 và bà T3 đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần tỉnh táo minh mẫn, cũng không bị ép buộc hay lừa dối, nội dung di chúc ông bà trình bày không trái đạo đức xã hội. Với tỉnh thần minh mẫn, sáng suốt, tuy nhiên tay ông Tam Y nên không thể ký vào di chúc. Vì lẽ này tôi đề nghị ông bà nên có 02 người làm chứng theo Điều 634 Bộ luật dân sự 2015. Và ông Nguyễn Q3 và ông Phạm Văn H được ông bà mời làm chứng. Hai người làm chứng này không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến việc lập di chúc và tài sản mà di chúc lập. Theo Điều 631 và Điều 632 Bộ luật dân sự 2015 khi đã đáp ứng về hình thức và nội dung di chúc một cách đầy đủ và đúng luật nên tôi tiến hành lập di chúc, ghi nhận ý chí của người muốn lập di chúc. Sau khi soạn thảo nội dung di chúc và có 02 người làm chứng vào di chúc. Người làm chứng đã đọc lại di chúc cho ông T6 và bà T3 nghe. Họ đã hiểu và đồng ý với nội dung đó. Trong di chúc bà Nguyễn Thị T3 đã ký ghi rõ họ và tên. Ông Trương Văn T6 tuy tinh thần sáng suốt, minh mẫn nhưng tay

bị yếu nên không thể ký và ghi họ tên, vì lẽ đó ông chỉ điểm chỉ vào di chúc (vì điều này mà tôi cần thêm 02 người làm chứng). Tôi cam đoan những gì trình bày trên là đúng sự thật, khách quan. Và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì gian dối.

*ông Nguyễn Hữu L2 trình bày tại bản khai ngày 08/8/2023 như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2011, có khách hàng đến tư vấn về việc làm di chúc, sau khi tư vấn các điều kiện về việc lập di chúc, khách hàng yêu cầu được làm ở Phòng công chúng tôi giới thiệu lên Phòng C8. Ở đó công chứng viên Nguyễn Văn N3 đã viết văn bản và chứng thực có yêu cầu tôi làm chứng sau khi xem xét nhân thân. Di chúc này ông T6 và bà T3 để cho người con trai trên Trương Văn X nhà và đất tại khu tái định cư N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Qua năm 2014, có người con gái của ông T6 có đến tư vấn tôi muốn làm lại di chúc và cho một người khác. Tôi giải thích là ông Tam C5 có thể làm di chúc cho một nửa tài sản và cần thiết thì hỏi công chứng viên Nguyễn Văn N3.

Ông N3 nhận làm văn bản cho ông T6 và có nhờ tôi làm chứng lại để cho cô Trương Thị C. Việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thực và xin chịu trách nhiệm về việc khai báo trên.

* ông Nguyễn Hữu Tuấn A trình bày tại bản tự khai ngày 08/12/2023 như sau:

Tôi là Nguyễn Hữu Tuấn A là lái xe cho ông Luật sư Nguyễn Hữu L2, vào năm 2011 tôi có làm chứng một bản di chúc tại phòng công chứng số 02 cho ông Trương Văn T6 và Nguyễn Thị T3. Vào một thời gian sau tôi không nhớ rõ, tôi có chở ông Luật sư đi và cũng được ông N3 là công chứng viên mời tham gia làm chứng cho bản di chúc thứ 2. Sau khi nghe đọc lại bản di chúc thấy không có gì sai trái nên tôi đã làm chứng.

Về quan hệ với những người trong di chúc tôi Nguyễn Hữu Tuấn A hoàn toàn không có quan hệ họ hàng thân thiết chỉ là người xa lạ. Di chúc là ý của ông Trương Văn T6, tôi chỉ là người làm chứng. Mọi việc tôi viết trên đây là hoàn toàn đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng:

Điều 612, Điều 613, 623, 625, 645, 651 của Bộ luật dân sự.

Điều 147, 153, 157, 165 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trương Văn T6 để lại là nhà và đất tại địa chỉ: Lô D (nay là số A đường B), khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số D5-16, tờ bản đồ KT (nay là thửa số 169, tờ bản đồ số 38), diện tích 150m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 (nay là Giấy chứng nhận số CT 483382 ngày 13/12/2019).

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị C3 phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.400.000 đồng bà C3 đã nộp theo Biên lai thu số 005199 ngày 16/02/2023 tại Cục Thi hành án thành phố Đà

Nẵng. Hoàn trả cho bà Trương Thị C số tiền án phí còn thừa là 12.100.000đ (Mười hai triệu một trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày……, Bà Trương Thị C kháng cáo toàn bộ Bản án số: 12/2024/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, đề nghị toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án mà Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên và xét xử theo trình tự phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đến tham dự phiên tòa nhưng đến ngày xét xử một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, hồ sơ đã thu thập đầy đủ chứng cứ, các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý xét xử vắng mặt những người này, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến thủ tục tống đạt đã đầy đủ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đề nghị chia di sản của cụ ông Trương Văn T6 là ½ (một nửa) nhà và đất tại số A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng thì thấy:

[2.1] Xác định di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất xác định, cụ ông Trương Văn T6 và vợ là bà Nguyễn Thị T3 là đồng sở hữu bất động sản là nhà và đất tại Lô D, khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là số A đường B) thuộc thửa đất số D5-16, tờ bản đồ KT (nay là thửa số 169, tờ bản đồ số 38), diện tích 150m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 (nay là Giấy chứng nhận số CT 483382 ngày 13/12/2019) là ½ (một nửa) bất động sản nêu trên.

[2.2] Xác định hàng thừa kế:

Cụ Trương Văn T6 với vợ đầu là cụ La Thị Đ1 có 11 người con chung gồm: bà Trương Thị C, bà Trương Thị R, ông Trương Văn T4, bà Trương Thị S1, ông Trương Văn P, ông Trương Văn K, bà Trương Thị N, bà Trương Thị T5 (chị), ông Trương Văn Q4, ông Trương Văn X1 (chết năm 2022, đã ly hôn vợ và có 02 người con là Trương Thị Mỹ L và Trương Vĩnh K1), bà Trương Thị Q2 (chết năm 1983 và có 01 người con là Nguyễn Thị Ánh Q1).

Cụ Trương Văn T6 có người vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị T3 có 04 người con chung gồm: bà Trương Thị T5 (em), ông Trương Văn X, bà Nguyễn Thị Á1 và ông Trương Văn S4 (sinh năm 1985, chết năm 2003 không có vợ con).

Cha mẹ cụ T3 là cụ ông Trương Văn N4 (chết trước 1975) và cụ bà Lê Thị S2 (chết trước 1975).

Cụ La Thị Đ1 chết ngày 25/7/2019, cụ Trương Văn T6 chết 07/12/2019 do cụ Đ1 chết trước cụ T6, cha mẹ đẻ của cụ T6 cũng chết trước cụ T6, ông Trương Văn S4 chết năm 2003, không có vợ con nên hàng thừa kế của cụ Trương Văn T6 gồm: bà Trương Thị C, bà Trương Thị R, ông Trương Văn T4, bà Trương Thị S1, ông Trương Văn P, ông Trương Văn K, bà Trương Thị N, bà Trương Thị T5 (chị), ông Trương Văn Q, bà Trương Thị T5 (em), ông Trương Văn X, bà Trương Thị Á; Trương Thị Mỹ L và Trương Vĩnh K1 (bà L, ông K1 là thừa kế chuyển tiếp của ông Trương Văn X1), bà Nguyễn Thị Ánh Q1 (bà Q1 là thừa kế chuyển tiếp của bà Trương Thị Q2)

[2.2] Xét thấy trước khi chết, cụ Trương Văn T6 có lập 03 di chúc, cụ thể như sau:

Di chúc thứ nhất ngày 05/4/2011, ông Trương Văn T6 cùng bà Nguyễn Thị Tân L3 di chúc tại Văn phòng C9 Đà Nẵng với nội dung: ông T6 và bà T3 thống nhất để lại nhà và đất nói trên cho ông Trương Văn X, với điều kiện chỉ được dùng để ở và thờ cúng không được mua bán, đổi cho, cho thuê và chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi có sự đồng ý của những thừa kế khác. Do cụ T6 hạn chế đọc và viết nên có mời 02 người làm chứng là ông Nguyễn Hữu L2, ông Nguyễn Hữu Tuấn A.

Di chúc thứ hai ngày 29/12/2014, ông Trương Văn T6 lập di chúc tại Văn phòng C6 với nội dung: ông T6 để lại (1/2) một phần hai toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Trương Thị C mà không ai tranh giành hay khiếu nại. Do cụ T6 hạn chế đọc và viết nên có mời 02 người làm chứng là ông Nguyễn Hữu L2, ông Nguyễn Hữu Tuấn A.

Di chúc thứ ba ngày 06/6/2016, cụ Trương Văn T6 cùng bà Nguyễn Thị Tân L3 di chúc tại Công ty L6 nội dung: cụ T6 và bà T3 thống nhất để lại toàn bộ nhà đất nêu trên cho ông Trương Văn X mà không ai tranh giành hay khiếu nại, nhà đất chỉ dùng vào việc thờ tự không được chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp dưới bất cứ hình thức gì, trừ trường hợp đền bù giải toả thì ông X được nhận toàn bộ giá trị đền bù của tài sản thừa kế trên, đồng thời tuyên bố huỷ bỏ toàn bộ 02 di chúc được lập trước đây vào ngày 05/4/2011 và ngày 29/12/2014. Do cụ T6 hạn chế đọc và viết nên có mời 02 người làm chứng là ông Nguyễn Q3 và ông Phạm Văn H, do Công ty L6 xác nhận có con dấu và chữ ký của luật sư Phan Phước Thái N2.

[2.3] Xét tính hợp pháp của các di chúc thì thấy, nội dung 03 di chúc đều không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Di chúc lập ngày 05/4/2011 và di chúc lập ngày 29/12/2014 tại Văn phòng Công chứng là đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, theo các chứng cứ mà bị đơn cung cấp, lời khai của người làm chứng thì năm 2016, cụ T6 và bà T3 có đến Văn phòng Công chứng để hủy di chúc lập năm 2014 nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 bị thất lạc bản gốc nên Văn phòng Công chứng từ chối

làm thủ tục hủy di chúc lập năm 2014 này nên buộc lòng cụ T6 và bà T3 phải đến Văn phòng luật sư trợ giúp. Sau đó, cụ T6 và bà T3 đến Công ty L6; địa chỉ: số F đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để lập di chúc (lần 3). Mặc dù, di chúc thứ 3 được lập tại Văn phòng Công ty L6 vào ngày 06/6/2016 là chưa đảm bảo về hình thức (không được công chứng, chứng thực theo quy định) nhưng tại thời điểm lập di chúc cụ T6 vẫn minh mẫn, sáng suốt đồng thời ý chí để nhà đất cho ông X với điều kiện "chỉ được dùng làm nơi thờ tự" phù hợp với ý chí trước đây của cụ T6 khi còn khỏe mạnh (thể hiện tại Bản di chúc lập năm 2011 tại Phòng C8). Ý chí và tâm nguyện để lại nhà đất cho ông X là con trai út làm nơi thờ cúng của cụ T6 có từ trước và được những người con của cụ là ông Trương Văn P, ông Trương Văn K, ông Trương Văn Q (con chung của cụ Trương Văn T6 và cụ La Thị Đ1 – người vợ thứ nhất) xác nhận và cũng phù hợp với truyền thống của người Việt Nam.

Ngôi nhà gắn liền thửa đất số 169, địa chỉ 103 đường B chưa được cập nhập trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nó tồn tại trước khi cụ Trương Văn T6 mất và nhà đất này là nơi sinh sống duy nhất của cụ T6 trước khi mất và của bà T3 và ông X ở từ trước cho đến nay và hiện không có sự thay đổi nên được hiểu Di chúc 2016 đã định đoạt cả phần nhà và đất.

Bên cạnh đó, hồ sơ vụ án cũng thể hiện: Tài sản chung La Thị Đ1 – người vợ thứ nhất cũng đã được hai cụ phân chia hầu hết cho các con gái, cháu ngoại cư trú ở Việt Nam lập ngày 05/11/1979 có chứng thực của UBND phường N.

Như vậy, nội dung của Di chúc lập năm 2016 là thể hiện ý chí xuyên suốt và cuối cùng của cụ T6 đối với quyền tài sản của mình trước khi chết là để lại nhà và đất tại thửa số 169, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: số A đường B, khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Trương Văn X ở và làm nơi thờ cúng.

Nhận thấy, cùng một tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 (nay là Giấy chứng nhận số CT 483382 ngày 13/12/2019) tại thửa số 169, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: số A đường B khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng nhưng ông Trương Văn T6 có 03 di chúc tại 03 thời điểm khác nhau, theo khoản 5 Điều 643 của Bộ luật dân sự quy định "Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì bản di chúc sau cùng có hiệu lực". Vì vậy, di chúc năm 2016 là di chúc sau cùng nên chỉ duy nhất bản di chúc năm 2016 là có hiệu lực.

Do đó, việc bà Trương Thị C kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điều 612, Điều 613, 623, 625, 645, 651 của Bộ luật dân sự.

Điều 147, 153, 157, 165 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trương Văn T6 để lại là nhà và đất tại địa chỉ: Lô D (nay là số A đường B), khu tái định cư N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số D5-16, tờ bản đồ KT (nay là thừa số 169, tờ bản đồ số 38), diện tích 150m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214803 ngày 15/8/2005 (nay là Giấy chứng nhận số CT 483382 ngày 13/12/2019).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị C phải chịu 300.000, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà C đã nộp theo Biên lai thu số 0001465 ngày 07/5/2024 tại Cục Thi hành án thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn